

Tiền Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH
Điểm môn học, mô-đun thi lại đợt tháng 5 năm 2025

Ngày thi: **22/5/2025**

Địa điểm thi: **Phòng Lab1**

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Điểm thi lại	Điểm MH/MĐ (Điểm 10)	Ghi chú
1	11.01.23.140.CT	Bùi Lê Khánh Vy	CĐĐD23A3	Điều dưỡng nhi khoa	6.0	6.8	
2	11.01.21.020	Nguyễn Hồng Phúc	ĐDCĐ14A1	Hồi sức tích cực ngoại khoa	5.8	6.7	
3	11.03.22.046	Đoàn Thanh Ngân	CĐD22A2	Đảm bảo chất lượng thuốc	6.8	8.1	
4	11.06.24.007	Lâm Nguyễn Hải Đăng	CĐYSĐK24A1	Pháp luật	5.5	5.3	
5	11.01.24.174	Hồ Ngọc Hạnh	CĐĐD24A3	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe	0	3.6	Vắng
6	11.01.24.169	Huỳnh Thị Mỹ Quyền	CĐĐD24A3	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe	0	3.3	Vắng

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Điểm thi lại	Điểm MH/MĐ (Điểm 10)	Ghi chú
7	11.03.18.211	Nguyễn Huỳnh Thế Vinh	DSCĐ5A4	Dược lý 2	4.5	6.4	
8	11.03.22.067	Dương Thị Hương Vương	CĐD22A2	Pháp chế dược	7.8	7.8	
9	11.06.24.047	Hồ Thị Kim Ngân	CĐYSĐK24A2	Tin học	9.8	9.8	
10	11.02.24.006.CN	Đới Thị Hồng Cúc	CĐDD24A2	Tin học	10	9.6	

Nơi nhận:

- Khoa;
- CVHT;
- Lưu, VT, KTĐBCL (Bảo)

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ - ĐBCL**



Phùng Như Hạnh

Tiền Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH
Điểm môn học, mô-đun thi lại đợt tháng 5 năm 2025

Ngày thi: **24/5/2025**

Địa điểm thi: **Phòng Lab1**

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Điểm thi lại	Điểm MH/MĐ (Điểm 10)	Ghi chú
1	12.06.24.099	Trần Mai Ngọc Trúc	CDYSĐK24C1	Xác suất thống kê y học	4.5	6.5	
2	12.06.24.057	Trương Thị Mai Nhi	CDYSĐK24B1	Y đức - Giáo dục sức khỏe	4.5	6.7	
3	12.06.24.111	Hồ Minh Thái	CDYSĐK24C3	Kiểm soát nhiễm khuẩn	7.5	7.7	
4	12.06.24.057	Trương Thị Mai Nhi	CDYSĐK24B1	Dinh dưỡng	6.8	8.1	

Nơi nhận:

- Khoa;
- CVHT;
- Lưu, VT, KTĐBCL (Bảo)

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KHÁO THÍ – ĐBCL



Phùng Như Hạnh